

CHÚNG TA CÓ PHẢI LÀ ĐẾ CHẾ LA MÃ?

CULLEN MURPHY. *Are we Rome? The Fall of an Empire and the Fate of America*. Boston: Houghton Mifflin, 2007, 272 pp. GARY KAMIYA bình luận trong Salon, 2007, June 7, 6 pp.

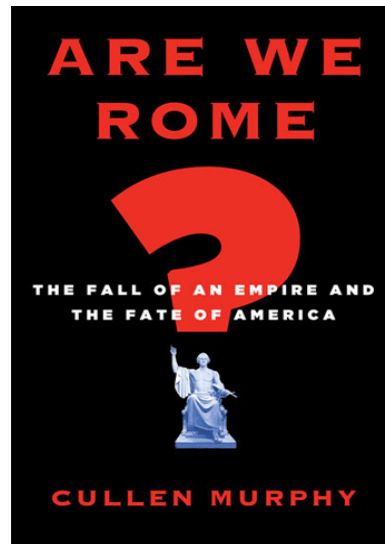
XUÂN TÙNG
dịch

Việc so sánh thời đại lịch sử ngày nay với thời đại trong quá khứ là một trò chơi trí

tuệ đầy hấp dẫn. Nó đòi hỏi bạn phải có hiểu biết đầy đủ về cả hai thời đại này để đánh giá những điểm tương đồng và khác biệt giữa chúng. Nó khuyến khích một sự phân tích khái quát, có tính hệ thống và một tầm nhìn xa. Nó còn làm cho thực tại trở nên xa lạ, buộc bạn phải nhìn nhận theo cách hoàn toàn mới thực tiễn chính trị và văn hoá mà trước đây bạn vẫn cho là điều hiển nhiên. Trong trường hợp tồi tệ nhất, nó có thể là một sự phô trương kiến thức nông cạn, trong đó phép loại suy giản đơn thay thế cho sự ràng buộc thực tế. Nhưng trong trường hợp tốt nhất, nó có thể làm sáng tỏ cả hai thời đại lịch sử, đồng thời tạo ra cùng lúc cảm giác về sự nhận thức và sự bí ẩn của lịch sử.

Cuốn sách “*Chúng ta có phải là Đế chế La Mã?*” của tác giả Cullen Murphy

là một ví dụ minh họa cho trò chơi trí tuệ đó ở góc độ tốt nhất của nó.



Murphy, nguyên Tổng biên tập Tạp chí *Atlantic Monthly* (Mỹ), đã thể hiện sự kết hợp đúng đắn giữa học vấn uyên thâm, sự

táo bạo và sự cẩn trọng đối với công việc tinh tế này. Ông không sợ đưa ra những khái quát thông tuệ về cả Đế chế Mỹ đương thời lẫn một đế chế đã chấm dứt sự tồn tại từ hơn 1.500 năm trước, tuy

nhiên vẫn thừa nhận hạn chế của những khái quát như vậy và thừa nhận những khu vực lịch sử lằng quên. Ông không chỉ đưa ra sự tranh luận lý thú về những điểm tương đồng (vừa bộc lộ rõ ràng vừa ở dạng tiềm ẩn) giữa Đế chế Mỹ và Đế chế La Mã, mà còn chỉ ra rằng, theo những cách thức sâu sắc, các công dân của hai đế chế này có thể coi nhau như những người thuộc về hai thế giới hoàn toàn khác biệt.

Một cách khôn ngoan, ông đã tránh việc cố gắng làm quá nhiều việc. Câu nói của nhà thơ Hy Lạp Callimachus “một cuốn sách lớn là một tai hoạ lớn” có thể không đúng với mọi người, ở mọi lúc, mọi nơi, nhưng những lời đó chắc chắn ứng với thể loại mà Murphy đang bỏ công nghiên cứu. Chỉ riêng việc đạt được nhận thức tạm thời về những học thuyết được đưa ra để giải thích sự sụp đổ của Đế chế La Mã - Murphy lưu ý rằng một nhà sử học người Đức đã liệt kê 210 học thuyết như vậy - cũng đã là một công việc tầm vĩ mô; đưa ra một lý thuyết độc đáo là một công việc phải tiến hành hàng thập kỷ; so sánh Đế chế La Mã và Đế chế Mỹ có thể tựa như việc làm của nhân vật Casaubon - người suốt đời tìm kiếm một cách vô ích “Chìa khoá giải mã cho mọi huyền thoại” trong cuốn “Middlemarch” của George Eliot. May thay, Murphy không phải là người như vậy. Ông sử dụng khối kiến thức đáng nể của mình một cách khéo léo, tránh cường điệu hoá những phát hiện về sự tương đồng và tập trung vào một vài khu vực mà ở đó những so sánh là sáng tỏ nhất - và ở đó chúng ta có thể hành động tốt để thay đổi những phương thức vốn có. Bạn sẽ dễ dàng học được nhiều điều về Đế chế La Mã cổ đại trong cuốn

sách tinh tế, có lối hành văn mạnh mẽ, khoáng đạt này và bạn cũng sẽ học được nhiều điều về Đế chế Mỹ đương đại, dù rằng có một số điều trong đó sẽ khiến bạn cảm thấy đau đớn.

Việc so sánh Đế chế La Mã và Đế chế Mỹ đã xuất hiện trước khi xảy ra cuộc Cách mạng Mỹ. Trong những ngày đó, Murphy nhấn mạnh, người Mỹ bị cuốn hút trước nền cộng hoà Roma, nhìn thấy trong đó bóng dáng của nền cộng hoà mới khai sinh của riêng họ. Ngày nay, vì những lý do hiển nhiên, chính đế chế mới là cái thu hút sự quan tâm của người Mỹ - mặc dù không ai có thể nhất trí về việc liệu nước Mỹ có thực sự nắm trong tay một đế chế hay không. Ông lưu ý: “Sự so sánh này có thể được xem như một quan điểm có tính chất cảnh cáo tàn nhẫn hoặc một lời kêu gọi hành động có tính chất truyền cảm hứng”. Những người được truyền cảm hứng bao gồm các nhân vật mà Murphy gọi là “những người có niềm tin chiến thắng” (triumphalist), đó là những người cho rằng nước Mỹ rốt cuộc sẽ gánh vác những trách nhiệm của đế quốc, mang đến nền hoà bình kiểu Mỹ trên toàn cầu giống như nền hoà bình kiểu La Mã vào thời kỳ huy hoàng nhất của nó, trong hai thế kỷ đầu sau công nguyên”. Ở phe này có các học giả mang tư tưởng tân bảo thủ như Charles Krauthammer, William Kristol, Max Boot và nổi bật nhất là Tổng thống Mỹ George W. Bush. Những nhân vật này công nhiên thừa nhận rằng nước Mỹ đang thống trị thế giới. Đối lập với họ là những người tin vào “sự suy tàn của đế quốc”, vốn tin rằng nước Mỹ đã vượt quá ngưỡng của nó, rằng “nhu cầu có tính đế

quốc của nó trong việc giữ gìn bí mật, giữ quyền giám sát và kiểm soát xã hội vì lợi ích an ninh quốc gia, đang làm mục ruỗng các thiết chế của nền cộng hoà của chúng ta”. Phe đối lập này gồm có các nhân vật như Chalmers Johnson và Paul Kennedy. Ngoài ra còn có một nhóm trung lập do nhà sử học Niall Ferguson lãnh đạo. Ông này lập luận rằng, nước Mỹ cần phải là một thể lực đế quốc, nhưng lại thiếu óc thực tế.

Vì thế, những người chỉ trích luôn nhận thấy sự sụp đổ và u ám khi họ so sánh Đế chế La Mã với Đế chế Mỹ. Ở phe cánh tả, nhà lập kế hoạch đô thị Jane Jacobs đã coi sự suy sụp của gia đình và cộng đồng, nền khoa học kém cỏi và uy lực của chủ nghĩa cá nhân dựa trên nền tảng kinh tế như là những yếu tố dẫn đến kỷ nguyên đen tối “hậu La Mã”. Ở phe cánh hữu, Victor Davis Hanson (một người tiêu biểu cho tư tưởng đe dọa bằng cách tấn công hoặc trừng phạt) lại công kích dân Mỹ như là những người suy đồi, thiếu ý chí và không vững vàng.

Bản thân Murphy không thuộc tuýp người “có niềm tin chiến thắng”. Ông có thể được xem như một người ủng hộ trường phái “sự suy tàn của đế quốc”, nhưng có tư tưởng ôn hoà. Ông khẳng định rằng Đế chế Mỹ, cũng giống như Đế chế La Mã, bị đe dọa bởi những vết thương tự mình gây ra - cụ thể là hội chứng ham mê tư nhân hoá, niềm tin của người dân vào chính phủ ngày càng suy giảm và sự sa sút liên tục của xã hội công dân, lực lượng quân sự khổng lồ và không bền vững, sự phớt lờ các nước khác trên thế giới và thái độ thiên cận

của nước Mỹ đối với tình trạng nhập cư và đồng hoá.

Những quan điểm nói trên chứng tỏ Murphy là một người có tư tưởng tự do theo trường phái cũ, mặc dù không phải là người thiếu óc suy xét. Tập trung một cách rõ ràng vào bức tranh chính trị rộng lớn và không muốn sa đà vào những tranh chấp chính trị vụn vặt, Murphy cố gắng tránh đặt lập luận của mình trong những điều kiện có tính chất thiên vị. Đây là một động lực đáng khen ngợi, nhưng sự miễn cưỡng của Murphy khi đưa ra một góc nhìn lịch sử sâu hơn đối với chính quyền Bush lại cho thấy thái độ quá cẩn trọng và bó buộc trong lập luận của ông. Toàn bộ cách tiếp cận của Bush đối với sự quản trị quốc gia là hình ảnh thu nhỏ của tất cả các khuynh hướng trong đời sống hiện đại của nước Mỹ mà Murphy cho là nguy hiểm nhất. Tuy vậy, Murphy chưa bao giờ đề cập đến vấn đề quan trọng nhất là liệu chức vụ tổng thống mang tính chất “bí ẩn” và toàn quyền của Bush có phải là sự bất thường của lịch sử, một cơn bão lên tới đỉnh điểm do sự hội tụ của sự kiện 11/9 và một vị tổng thống cứng rắn, được định hướng bởi ý thức hệ, hay là sự định hình của đế chế Mỹ - và sự xuất hiện các hoàng đế - đang đến gần hay không. Đây là một vấn đề có liên quan trực tiếp đến luận điểm của Murphy.

Chúng ta có phải là Đế chế La Mã hay không? Ở cấp độ sơ khai, những so sánh tương đương thực sự gây ấn tượng. Murphy viết: “Xét theo nhiều mức độ quan trọng khác nhau, Đế chế La Mã và Đế chế Mỹ là những chủ thể hùng mạnh nhất trong thế giới của họ. Quyền lực

của họ bao gồm cả sức mạnh quân sự lẫn “quyền lực mềm” là ngôn ngữ, văn hoá, thương mại, công nghệ và những ý tưởng”. Hai đế chế này có thể so sánh với nhau về quy mô vật chất. Cả hai đều là những xã hội mở, được hình thành nên từ những người mới đến và người nhập cư. Cả hai đều bị thu hút vào những công trình vĩ đại (“Mỗi khi tôi ngắm nhìn tàu con thoi ở vị trí được đặt thẳng đứng, nhích dần trên đường ray để hướng đến bệ phóng, tôi lại nghĩ ngay đến bức tượng Thần Mặt Trời khổng lồ thời La Mã, có độ cao bằng với tụm con thoi, được kéo bởi 24 con voi” - Murphy viết). Cả người La Mã và người Mỹ đều đặc biệt thích việc kiện tụng, họ tin tưởng vào quyền sở hữu tư nhân, tỏ ra thích thú trước việc làm bẽ mặt các nhân vật của công chúng, có mối quan hệ vừa yêu vừa ghét đối với tầng lớp nhà giàu mới nổi và tự coi mình như những người được chọn lọc.

Mặt khác, Murphy chỉ ra rằng, những điểm không tương đồng cũng gây ấn tượng không kém. Đế chế La Mã tồn tại hơn 1.000 năm; Đế chế Mỹ thậm chí chưa tròn 300 năm tuổi. Toàn bộ lịch sử của La Mã diễn ra trong thời đại đồ sắt, trong khi đó, “trong lịch sử ngắn ngủi của mình, nước Mỹ đã nhảy vọt qua thời đại công nghiệp để tiến thẳng lên kỷ nguyên thông tin và kỷ nguyên công nghệ sinh học”. Đế chế La Mã thường đứng bên bờ vực của nạn đói; còn nền kinh tế Mỹ lại mạnh mẽ một cách khó tin. Đế chế La Mã áp bức người nô lệ; còn Đế chế Mỹ đã xoá bỏ chế độ nô lệ. Buổi ban đầu, Đế chế La Mã xuất hiện như một thành phố quốc gia – thành phố độc lập và có chủ quyền như một

nước (City-State); trong khi ngay từ đầu, Đế chế Mỹ đã là một cường quốc lục địa. Đế chế La Mã không có tầng lớp trung lưu; trong khi đó, “đối với Đế chế Mỹ thì tầng lớp trung lưu lại là cơ sở xã hội then chốt - thể hiện sự chín chắn, linh hoạt và chiếm số đông trong xã hội Mỹ”. Đế chế La Mã chưa bao giờ có tính dân chủ thực sự. Đế chế La Mã xem thường quan hệ thương nghiệp và chia đều tài sản thừa kế; Đế chế Mỹ tôn thờ những con người “tay trắng làm nên”. Đế chế La Mã có tính chất bành trướng mãnh liệt; còn đế chế Mỹ lại thích chinh phục thế giới thông qua các phương tiện kinh tế gián tiếp.

Murphy cho rằng, ở cấp độ cá nhân, những điểm khác biệt còn ấn tượng hơn nhiều. “Với tư cách là những cá nhân, người La Mã mang đức tính kiêu hãnh, cao ngạo, sống có nguyên tắc, tàn bạo và khiếm nhã; còn người Mỹ lại có tinh thần lý tưởng hoá, thân thiện, vô tư, tháo vát và tình cảm (nhưng cũng rất hay khiếm nhã). Tôi không dám chắc rằng, nếu đột nhiên quay trở lại quá khứ, người Mỹ có thể hâm nóng Đế chế La Mã theo cách mà họ có thể làm với London của Samuel Johnson. Trong những bản đồ tinh thần, những định hướng trí tuệ và những giá trị mặc định của họ, người La Mã và người Mỹ còn tỏ ra khác biệt hơn nhiều so với những gì mà hầu hết mọi người vẫn nghĩ ngờ. Người La Mã phóng dăng, còn người Mỹ lại biết kìm nén. Những định nghĩa của người La Mã về danh dự và sự ô nhục cá nhân, về hành vi thích hợp đối với mỗi người, lại không có những điểm tương đồng thực sự với người Mỹ; các quan chức của Đế chế La Mã không ngần

ngại thể tự sát trong những trường hợp thậm chí sẽ không làm cho người Mỹ bận tâm (mà ít nhiều họ sẽ coi trọng việc từ chức hơn). Bất cứ ai theo dõi loạt phim hấp dẫn “Đế chế La Mã” của kênh truyền hình HBO, trong đó cổ xúy một cách cực kỳ thiếu trách nhiệm cho những tên sát nhân, các vụ tự tử và tình dục, sẽ dễ dung lĩnh hội ngay được những điều Murphy muốn nói đến.

Vượt lên trên những điểm tương đồng và khác biệt khái quát này, Murphy đã nhận thấy 6 điểm so sánh cụ thể giữa Đế chế La Mã cổ đại và Đế chế Mỹ ngày nay. Ông cho rằng: “Những điểm so sánh này không cố định về địa điểm và chúng không chỉ đường đến một tương lai tất yếu. Mặc dù vậy, dựa vào đó, người ta có thể thấy rằng, chúng vạch ra một lộ trình dẫn đến những hệ quả có thể lường trước - một lộ trình mà xét cho cùng, đã đưa Đế chế La Mã đến chỗ diệt vong”.

Thứ nhất, chính vì người La Mã coi đế chế của mình là trung tâm của thế giới nên họ đã đặt trên quảng trường công cộng một cái rón bằng đá mà họ tin rằng sẽ ngăn chặn sự xâm nhập từ bên ngoài vào thành Hades - trong khi đó, giới cầm quyền của Mỹ lại đau khổ vì những ảo tưởng về sự vĩ đại. Theo lý lẽ của Murphy: “Nhóm nhỏ của giới tinh hoa Mỹ - những người sinh sống tại thủ đô của nước này, đang “chăm lo” nước Mỹ và “chăm lo” chính thủ đô Washington - là một “tiền đề sai lầm” dẫn đến sự ảo tưởng về sức mạnh của Washington trên thế giới: ảo tưởng về tầm quan trọng của nước Mỹ trong mắt của các quốc gia khác và ảo tưởng về năng lực hành động đơn phương của

nước này. Ông tường thuật lại một cách chua xót - cách thức mà những “cận thần” trong các thủ đô tự huỷ hoặc đó bị ám ảnh bởi hai chữ “thanh thế” như thế nào. Trong thời kỳ Tổng thống John F. Kennedy cầm quyền, “chỉ có 29 người nắm giữ chức vụ đáng mơ ước là trợ lý, phó trợ lý hay trợ lý đặc biệt của tổng thống; đến thời kỳ Bill Clinton rời Nhà Trắng, con số này đã lên tới 141 người”.

Thứ hai, đó là sức mạnh quân sự. Giống như Đế chế La Mã, Đế chế Mỹ phải gánh chịu vấn đề “hai đối trọng”, trong đó xã hội quân sự và xã hội dân sự ngày càng trở nên đối nghịch nhau. Một nhà sử học La Mã đã viết rằng, những người lính trở về từ những nơi đóng quân xa xôi là những người “nhìn bề ngoài có vẻ kém văn minh nhất, gây hoảng sợ nhiều nhất cho người khác khi nghe họ nói và tỏ ra thô lỗ nhất khi nói chuyện với mọi người”. Murphy nhấn mạnh: “Lực lượng Delta của Mỹ có thể được đối đãi không hơn thế là mấy ở những nơi như Saddle River, Brentwood hay Winnetka”. Hơn nữa, giống như Đế chế La Mã, Đế chế Mỹ không thể duy trì lực lượng quân sự khổng lồ và phải hướng đến những thế lực bên ngoài - đối với Đế chế La Mã thì đó là những dân tộc man di mọi rợ, còn đối với Đế chế Mỹ thì đó là những “nhà thầu khoán”. Murphy lưu ý: “Chiến tranh Iraq là cuộc xung đột lớn có tính chất tư nhân hoá nhiều nhất kể từ thời kỳ Phục hưng đến nay”.

Thứ ba, Murphy viện dẫn đến quá trình tư nhân hoá quy mô lớn và những mặt tiêu cực đi kèm theo nó, ví dụ như nạn tham nhũng, sự mất niềm tin vào chính quyền và sự suy thoái của xã hội

công dân. Đối với tôi, người viết bài này, đây là phần độc đáo và hấp dẫn nhất trong cuốn sách của Murphy. Ông viết: “Đế chế La Mã đã gặp khó khăn khi duy trì sự tách biệt giữa trách nhiệm nhà nước và trách nhiệm cá nhân cũng như giữa nguồn lực nhà nước và nguồn lực tư nhân”. Khi điều này xảy ra, “chính quyền trung ương không thể chỉ huy được. Phải mất một thời gian dài trước khi điều này xảy ra, nhưng mối quan hệ xung đột gay gắt giữa ý chí vĩ đại và hành động cụ thể là một phần lớn cấu thành “sự chệch hướng” trong Đế chế La Mã cổ đại”. Tương tự như vậy, “trong những năm gần đây, Đế chế Mỹ đã lao vào hội chứng tư nhân hoá chưa từng có trong lịch sử nước này, trao cho tư nhân tất cả những kiểu hoạt động mà người ta từng cho rằng phải là nhiệm vụ của nhà nước”. Murphy khẳng định rằng, “tư nhân hoá quyền lực không phải là một hiện tượng mờ nhạt, mà là một dấu son trong lịch sử - đó là động lực chính cho đời sống của nhà nước Mỹ”.

Kết quả là, như Murphy lập luận, không chỉ có nạn tham nhũng, mà còn có cả sự đánh mất “năng lực quản lý” của chính phủ. Điều này một phần là do các nhà thầu tư nhân không chịu trách nhiệm trước cùng những điều luật và quy định áp dụng đối với chính phủ; phần khác là bởi vì bản thân chính phủ đang dần biến mất. Việc giảm tính hiệu quả, đánh mất quyền chỉ huy và kiểm soát là một điều tồi tệ, nhưng tồi tệ hơn là những hệ quả vô hình của quá trình tư nhân hoá: “đánh mất sự ràng buộc và lòng trung thành của xã hội dân sự trên mọi lĩnh vực là một mối đe dọa thực sự nguy hiểm”. Murphy nghiêng về việc

công khai chỉ rõ chính quyền Bush và theo nghĩa rộng là tư tưởng “xã hội lớn – chính phủ nhỏ” của Đảng Cộng hoà phải chịu trách nhiệm chủ yếu trước xu thế này. Nhưng điều đó cũng không làm thay đổi một thực tế là cuốn sách của ông thể hiện một sự bác bỏ hoàn toàn sắc bén đối với đặc tính phản chính phủ của Đảng Cộng hoà và đối với chủ nghĩa tư bản ngày một suy thoái mà Bush đang tiến hành.

Murphy đã làm sáng tỏ một khía cạnh quan trọng trong sự sụp đổ của Đế chế La Mã thông qua việc trích dẫn nhà sử học Geoffrey de Ste. Croix của Đại học Tổng hợp Oxford, người đã bỏ công nghiên cứu một thuật ngữ La tinh duy nhất: từ “suffragium”, mà nghĩa gốc là “thẻ cử tri”. Các công dân có thể tham gia bỏ phiếu, mặc dù trên thực tế những người có chức quyền, điều khiển các hệ thống bảo trợ lại kiểm soát các khu vực bỏ phiếu lớn. Theo thời gian, nền dân chủ La Mã tàn lụi dần, nhưng hệ thống bảo trợ vẫn còn tồn tại và từ “suffragium” chỉ mang ý nghĩa là áp lực mà một người có thể lực có thể sử dụng vì lợi ích của mình. Cuối cùng, thuật ngữ này chỉ thuần túy biểu thị một món tiền phải trả để nhận được sự ủng hộ của hồi lộ. Và đây là kết luận của Ste. Croix: “Ở đây, khi thu nhỏ lại, thì chính là lịch sử chính trị của Đế chế La Mã”.

Trong một so sánh từ nguyên - lịch sử rất ấn tượng, Murphy quay về lịch sử của từ “*franchise*”. Ban đầu, nó cũng liên quan đến những định nghĩa về quyền tự do chính trị và trách nhiệm dân sự: nó biểu thị quyền bầu cử. “Chỉ rất lâu sau đó, vào giữa thế kỷ XX, ý tưởng về việc trao một số quyền nhất

định mới mang ý nghĩa thương mại của nó: quyền mua bán những dịch vụ hoặc sản phẩm của một công ty, chẳng hạn như mặt hàng thịt gà rán. Theo từ điển mở Wiki, nghĩa thương mại của từ “franchise” hiện được xếp ở vị trí hàng đầu. Nghĩa liên quan đến quyền tự do chính trị và quyền bỏ phiếu chỉ được xếp ở vị trí thứ năm”. Kết luận gọi nhiều suy nghĩ của Murphy là: “Nhìn lại lịch sử của từ *franchise*, thật là hấp dẫn khi được viết lên tấm bia này dòng chữ: Ở nơi đây chính là lịch sử chính trị của nước Mỹ được thu nhỏ lại”.

Thứ tư, Murphy cho rằng, cả Đế chế La Mã và Đế chế Mỹ đều phớt lờ thế giới bên ngoài. Đế chế La Mã tỏ ra xem thường các dân tộc bên ngoài biên giới của mình, còn người Mỹ lại có xu hướng tỏ ra thô bạo với các dân tộc và các nền văn hoá khác, và không hiểu biết một chút gì về họ.

Thứ năm là vấn đề biên giới. Đế chế La Mã đã đương đầu thành công với sự hiện diện của những thế lực bên ngoài, không phải bằng cách dựng lên bức tường sắt, mà bằng cách tương tác và đồng hoá những thế lực này.

Thứ sáu và cũng là cuối cùng, đó là sự phức tạp tuyệt đối của Đế chế La Mã và Đế chế Mỹ. Những siêu quyền lực đó “tất yếu không thể quản lý được, bởi vì việc quản lý hàm chứa những tác động lan toả không thể lường trước trên quy mô toàn cầu, và điều này đến lượt nó lại trở thành một phần của môi trường cần được quản lý”. Để giải quyết vấn đề này, không có câu trả lời giản đơn, trừ phi tập trung vào những yếu tố ở ngay bên trong quyền lực đang biến đổi của chúng ta.

Chúng ta có thể đảo ngược những xu hướng này hay không? Đế chế Mỹ có phải gánh chịu số phận bi đát như Đế chế La Mã hay không? Murphy tỏ ra rất tinh tế khi trực tiếp trả lời một câu hỏi như vậy. Ông chỉ ra rằng, theo một nghĩa quan trọng, Đế chế La Mã chưa bao giờ sụp đổ: “Những phương thức nông nghiệp, những mô hình thương mại, những thành phố và bến cảng, những công trình xây dựng và cơ sở hạ tầng, những phương thức quản lý hành chính, những tên riêng về đồ vật và địa danh, những luật lệ của Đế chế La Mã - tất cả những điều này vẫn còn tồn tại ở những mức độ khác nhau và ở nhiều nơi trong những giai đoạn nhất định, tạo ra con đường hướng đến một thời kỳ quá độ đột xuất, thay vì một cuộc cách mạng “long trời lở đất”. Một thiết chế khác đã góp phần bảo vệ Đế chế La Mã là nhà thờ. “Theo nhiều cách khác nhau, vì mục đích tốt đẹp và cả xấu xa, phiên bản của Đế chế La Mã đã được Nhà thờ Thiên Chúa giáo đem tới những địa điểm mới và đưa vào những kỷ nguyên mới - chẳng hạn như ngôn ngữ, nhiều giá trị, phân lớn cấu trúc hành chính và một số kiểu trang phục của Đế chế La Mã”.

Bất kể điều đó, Murphy thừa nhận rằng, sự sụp đổ của Đế chế La Mã là hiện thực, là một sự kiện quan trọng trong lịch sử thế giới: “một khối thống nhất vĩ đại đã bị thu hẹp mãi mãi; một trật tự xã hội vĩ đại và đáng mơ ước đã trở thành dấu tích của thời quá vãng”. Bằng tư duy sắc bén, ông chỉ ra rằng khi suy ngẫm về sự kết thúc Đế chế La Mã, chúng ta không cảm thấy luyến tiếc - vì rằng đó là một đế chế quá bạo tàn và phi luân lý, nhưng cũng là một thứ gì

đó mãnh liệt và gây nhiều xúc cảm: sự nhắc nhở nghiêm khắc về tính chất không vĩnh viễn của một đế chế”.

Không có một công thức ma thuật nào có thể bảo đảm cho sự tồn tại vĩnh cửu của bất kỳ quốc gia hay đế chế nào. Thậm chí, mối quan tâm thực sự của Murphy cũng không nhất thiết là phải tìm ra một công thức như vậy. Ông quan tâm đến việc tạo ra một xã hội trường tồn mà chúng ta có thể sống trong đó. Khi nghiên cứu vấn đề này, lúc đầu ông đã liệt kê một loạt những kịch bản tương lai có thể giúp Đế chế Mỹ kéo dài sự tồn tại của nó, nhưng những kịch bản này lại không tạo ra một xã hội mà mọi người mong muốn.

Một là “Kịch bản Pháo đài Mỹ”, trong đó tất cả mọi thứ đều xoay quanh vấn đề an ninh quốc gia, sự cách biệt được thu hẹp lại và nhánh quyền hành pháp giữ vai trò thống trị. Hai là “Kịch bản Thành phố - Quốc gia”, theo đó các thành phố lớn sẽ thực sự trở thành những thành phố - quốc gia và chính quyền trung ương sẽ dần biến mất. Cuối cùng là “Kịch bản Phòng họp của các ông lớn”, trong đó “chế độ vương quyền của tập đoàn trên quy mô toàn cầu” sẽ giành chiến thắng; quân đội, nền kinh tế, nguồn nước và các nguồn lực khác được tư nhân hoá và các tập đoàn khổng lồ sẽ điều khiển cả thế giới.

Để ngăn ngừa những kịch bản “u ám” đó, Murphy đưa ra một loạt những khuyến nghị chính sách dựa trên đề xuất của nhà sử học La Mã Livy, tức là “cái tạo nên một xã hội mạnh cũng chính là hạnh phúc của nhân dân - đó là công lý cơ bản, cơ hội căn bản, một chút phần thưởng về mặt tinh thần và thuyết

phục dân chúng rằng chế độ này được tạo nên là để mang lại những điều đó”.

Đó chính là nội dung của phần bốn “Kế sách trăm năm của Titus Livius” trong cuốn sách của Murphy. Trước hết, nước Mỹ cần học hỏi để hiểu biết toàn thế giới này bằng cách trở nên cởi mở với vấn đề nhập cư và sinh viên nước ngoài, cũng như với vấn đề học ngoại ngữ. (Dựa trên một lưu ý nhỏ, nhưng rất nghiêm túc, Murphy chỉ ra rằng, sự hội nhập của Mỹ vào thế giới của những quốc gia chơi bóng đá đỉnh cao là một tín hiệu tốt đẹp). Thứ hai, nước Mỹ cần “dùng việc coi chính phủ như một điều xấu xa tất yếu và thay vào đó, cần trông cậy vào nó một cách tự hào vì những điều lớn lao mà nó có thể làm tốt. Việc kiểm tra an sinh xã hội hàng tháng, hệ thống được phẩm an toàn và những tuyến đường quốc lộ an toàn, những khoản vay có bảo lãnh dành cho sinh viên, mạng lưới chăm sóc sức khoẻ đáng tin cậy cho người già, những bao cát để phòng hiện tượng triều cường từ các dòng sông không chỉ mang lại nhiều lợi ích, mà còn góp phần nâng cao nhận thức về sự liên minh chung và nghĩa vụ tương tác giữa đôi bên, làm giảm bớt những hành động cân nhắc hẹp hòi về *tính hiệu quả của nhà nước*”. Thứ ba, nước Mỹ cần “tăng cường các thiết chế góp phần thúc đẩy sự đồng hoá, ủng hộ nhiều hơn cho các trường công và các dịch vụ y tế công cộng dành cho người nhập cư, đồng thời từ bỏ nỗ lực vô ích trong việc dựng lên rào cản ở vùng biên giới. Nước Mỹ cần xây dựng một chương trình nghĩa vụ quân sự quốc gia dành cho tất cả thanh niên nhằm khôi phục lại ý thức dân quân tự vệ của thời kỳ

trước đây, như tinh thần đoàn kết gắn bó của Đế chế La Mã xưa kia”. Thứ tư, nước Mỹ cần giảm bớt quy mô quá lớn của lực lượng quân sự bằng cách cho phép các nước đồng minh cùng chia sẻ gánh nặng và chấp nhận một chính sách năng lượng dài hạn, giải phóng nước Mỹ khỏi sự phụ thuộc vào nguồn dầu lửa ở Trung Đông và nhu cầu giám sát khu vực này.

Liệu người Mỹ có thể vượt qua những điểm yếu của mình (chẳng hạn như chủ nghĩa cá nhân thái quá) và phát triển thành một quốc gia giống như Murphy mô tả hay không? Ông lưu ý rằng, nước Mỹ có thể thiếu một phẩm chất quan trọng nhất của Đế chế La Mã: “sự ham muốn ương ngạnh, nhu cầu tuyệt đối trong việc tỏ ra kiên gan bền chí và thắng thế bằng mọi giá trong bất kỳ hoạt động nào, cho dù có thể phải trả giá cả về mặt tinh thần và thể xác”. Nhưng người Mỹ lại sở hữu những phẩm chất mà người La Mã không có được. Murphy lập luận: đó là niềm tin sâu sắc rằng có thể làm được và cần phải làm cho mọi thứ tốt đẹp hơn, một sự sẵn sàng thay đổi. Trong khi người La Mã luôn tự mãn thì người Mỹ lại tỏ ra cởi mở với việc thay đổi bản thân và

cải tạo xã hội. Ông viết: “Bản tính của nước Mỹ có thể là ở chỗ nó đã quy kết sự sụp đổ của Đế chế La Mã cho cấu trúc riêng của Đế chế này: đó thực sự là một công việc bất biến vẫn đang trong quá trình diễn tiến, mục đích của nó là trợ giúp và xây dựng dựa trên sự thay đổi mang tính cách mạng. Đế chế Mỹ đã hoà tan vào lịch sử, một cách thành công nhưng chỉ một lần duy nhất. Nước Mỹ đã hơn một lần làm được điều tương tự như thế”. Cuối cùng, đối với Murphy, cái cách mà người Mỹ có thể tránh được số phận bi thảm của Đế chế La Mã thật đơn giản: hãy là chính người Mỹ.

Sự lạc quan của Murphy có thể không được biện minh ngay lúc này, nhưng lịch sử vẫn còn ở phía trước. “Cả điều này rồi cũng sẽ trôi vào dĩ vãng”, bài viết này có thể sẽ được đọc như là một bài bình luận về sự sụp đổ của những đế chế hùng mạnh, nhưng nó cũng ứng với cả những vị quân vương hay tổng thống thích làm điều ác. Lịch sử có thể là một sức mạnh trấn áp, song nó cũng có thể là một ánh sáng trong đêm đen. Cuốn sách của Murphy làm cho chúng ta vừa nhớ về quá khứ, lại vừa hướng đến tương lai.